

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 23/4/2018

“V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch

Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 838/2017/TLST- HNGĐ ngày 11/12/2017 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Ngọc T, sinh năm 1972

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968

Cùng trú tại: Tổ A, ấp TH, xã Đ, huyện TB, Đồng Nai.

(Bà T có mặt, ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà - Đoàn Thị Ngọc T trình bày:*

Bà và ông K sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992, đến năm 2007 trên cơ sở tự nguyện thì bà và ông K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện TB, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/02/2007.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ông K không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt, vô cớ kiếm chuyện chửi mắng, xúc phạm danh dự nhân phẩm của bà T. Do mâu thuẫn không thể hòa giải nên năm 2012 vợ chồng đã

sống ly thân cho đến nay, bà chuyển về nhà mẹ đẻ mình ở cùng ấp đẻ sinh sống, vợ chồng không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà xin ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà và ông K có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 25/12/1995, Nguyễn Thị Ngọc O, sinh ngày 08/9/1997 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 23/01/2007.

Khi ly hôn, bà đồng ý giao cháu Nguyễn Văn C cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Thị Ngọc A và Nguyễn Thị Ngọc O hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

* *Tại bản tự khai, biên bản đối chất, bị đơn – ông Nguyễn Văn K trình bày:* Ông thống nhất những lời khai về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như bà T đã trình bày. Ông cho rằng, vợ chồng chung sống mà không có sự cảm thông, chia sẻ và đã sống ly thân hơn 5 năm nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 25/12/1995, Nguyễn Thị Ngọc O, sinh ngày 08/9/1997 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 23/01/2007.

Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Văn C, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc O hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông K đã trầm trọng, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, tình cảm giành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ngọc T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Nguyễn Văn C cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và tạm thời bà T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - ông Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K kết hôn vào năm 2007, trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông K và được Tòa án thụ lý ngày 11/12/2017 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông K là có thật. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Những mâu thuẫn này đều được ông K thừa nhận tại bản tự khai (BL 17) và biên bản lấy lời khai đối chất (BL 22). Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương cho thấy, hiện tại ông K và bà T không còn sống chung nhà với nhau từ lâu.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Như vậy, việc bà T và ông K không còn sống chung với nhau từ năm 2012 đến nay, đồng nghĩa với việc không còn thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông K có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 25/12/1995, Nguyễn Thị Ngọc O, sinh ngày 08/9/1997 và Nguyễn Văn C, sinh ngày 23/01/2007.

Khi ly hôn, bà T đồng ý giao cháu Nguyễn Văn C cho ông K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu này cũng được ông K đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của cháu C (BL 20) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc O hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà T và ông K cam kết không có nợ chung.

3. Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Văn K.

1. Bà Đoàn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 23/01/2007 cho ông Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Tạm thời bà Đoàn Thị Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005977 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- (GCNKH số 16 ngày 23/02/2007)
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thùy Dung